



品番	線径	内径	アーム長さ	巻数
TS-33001RC	0.3	3	12	2
TS-33002RC	0.3	3	12	3
TS-33003RC	0.3	3	12	4
TS-33004RC	0.3	3	12	5
TS-33005RC	0.4	3	12	2
TS-33006RC	0.4	3	12	3
TS-33007RC	0.4	3	12	4
TS-33008RC	0.4	3	12	5
TS-33009RC	0.5	3	12	2
TS-33010RC	0.5	3	12	3
TS-33011RC	0.5	3	12	4
TS-33012RC	0.5	3	12	5
TS-33013RC	0.4	4	16	2
TS-33014RC	0.4	4	16	3
TS-33015RC	0.4	4	16	4
TS-33016RC	0.4	4	16	5
TS-33017RC	0.5	4	16	2
TS-33018RC	0.5	4	16	3
TS-33019RC	0.5	4	16	4
TS-33020RC	0.5	4	16	5
TS-33021RC	0.6	4	16	2
TS-33022RC	0.6	4	16	3
TS-33023RC	0.6	4	16	4
TS-33024RC	0.6	4	16	5
TS-33025RC	0.5	5	20	2
TS-33026RC	0.5	5	20	3
TS-33027RC	0.5	5	20	4
TS-33028RC	0.5	5	20	5
TS-33029RC	0.6	5	20	2
TS-33030RC	0.6	5	20	3

作成日
2020.10.27

検図
岩瀬

TRUSCO トラスコ中山株式会社

品名
トーションばね

品番
TS-33000-00